**Môn: Toán, lớp 2**

**Bài: KI – LÔ – MÉT (TIẾP THEO); Tiết 134**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được đơn vị đo độ dài ki-lô-mét; tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết, độ lớn.

- Thực hiện được việc ước lượng bằng quãng đường khoảng 1km.

- Làm quen với việc giải quyết vấn đề đơn giản với các số đo theo đơn vị ki-lô-mét.

- Biết sử dụng mối quan hệ giữa 2 đơn vị ki-lô-mét và mét để chuyển đổi đơn vị đo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề toán học.

- Phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu (nếu có), SGK, SGV.

**2. Học sinh:** SGK; Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **5’****27’****3’** | **1. Hoạt động Mở đầu**- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi vào bài học mới- GV cho HS hát bài hát- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới.**2. Hoạt động Luyện tập thực hành:*****\* Bài 1: Số?*** - GV cho HS đọc yêu cầu.- GV cho HS nhóm hai tìm hiểu bài và nhận biết: Yêu cầu của bài (Yêu cầu: Điền số) Tìm thế nào? (Chuyển đổi đơn vị đo)- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân sau đó chia sẻ với bạn bên cạnh.- GV sửa bài, tổ chức cho HS chơi tiếp sức, tạo điều kiện cho HS điền/ nói theo trí nhớ- HS và GV nhận xét, tuyên dương.***\* Bài 2: Nhìn hình vẽ, trả lời các câu hỏi***- GV cho HS đọc yêu cầu.- GV đặt câu hỏi, hướng dẫn HS tìm hiểu bài:+ Quan sát hình vẽ em nhận biết điều gì? (Quãng đường từ A đến C đi qua B là đường gấp khúc gồm: quãng đường AB và quãng đường BC. Quãng đường từ A đến C không đi qua B là đường thẳng.)+ Bài toán yêu cầu gì? - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bốn và làm bài.- GV mời một số nhóm trình bày, khuyến khích HS giải thích cách làm (kết hợp với tranh vẽ)- HS và GV nhận xét, tuyên dương.***\* Bài 3: Quan sát bản đồ***- GV cho HS đọc yêu cầu.- GV yêu cầu HS quan sát bản đồ, thảo luận nhóm bốn thực hiện bài tập.- GV mời một số nhóm trình bày kết quả.- HS và GV nhận xét, tuyên dương.***\* Khám phá***- GV treo hình lên bảng lớp và hỏi: + Trong hình có gì? + Trên cột mốc ghi gì? + Bạn Ong nói gì?- GV mời HS trình bày kết quả.- GV nhận xét, tuyên dương, giải thích: Đoạn đường từ cột mốc này đến Biên Hoà dài 408 km, cũng có nghĩa là cột mốc này còn cách Biên Hoà 408 km.***\* Đất nước em***- GV giới thiệu: Biên Hoà là một thành phố công nghiệp của tỉnh Đồng Nai, thuộc vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam.- GV giúp HS xác định tỉnh Đồng Nai trên bản đồ Việt Nam (SGK trang 114).- GV cho HS chơi: ĐỐ BẠN.+ GV yêu cầu mỗi HS viết một số đo theo ki-lô-mét vào bảng con để chơi.+ GV: Đố bạn, đố bạn.+ GV đưa bảng của mình ra và nói: số này đọc thế nào? Ví dụ: 108 km.+ GV cho HS thay nhau lên điều khiển lớp chơi.- GV nhận xét, tuyên dương. **3. Hoạt động nối tiếp**- GV hỏi: Qua bài học, các em học được điều gì?- GV yêu cầu HS: Chia sẻ với người thân, gia đình và bạn bè về nội dung bài học.- GV nhận xét tiết học, tuyên dương.- Chuẩn bị tiết học sau. | - HS hát.- HS lắng nghe.- HS đọc.- HS lắng nghe, thực hiện, trả lời.- HS tham gia.- HS nhận xét, lắng nghe.- HS đọc.- HS lắng nghe.- HS thảo luận, trình bày: a. 60 kmb. 135 km (45km + 30 km + 60 km)- HS nhận xét, lắng nghe.- HS đọc.- HS quan sát, lắng nghe, trả lời:a. Hà Nội – Vinh: 308 kmHuế - Vinh: 368 kmThành phố Hồ Chí Minh – Cần Thơ: 174 kmb. Thành phố Cao Bằng xa Hà Nội hơn Lạng Sơn (vì từ Hà Nội đến Cao Bằng dài 285 km lớn hơn khoảng cách 169 km từ Hà Nội đến Lạng Sơn) Thành phố Vinh gần thành phố Hà Nội hơn Huế. (vì từ Vinh đến Huế dài 368 km lớn hơn khoảng cách 308 km từ Vinh đến Hà Nội).- HS lắng nghe.- HS quan sát, trả lời: + Đoạn đường có xe chạy, lề đường có cột mốc.+ Cột mốc ghi: Biên Hòa 408km+ Bạn Ong nói: Còn 408 km mới đến Biên Hoà- HS lắng nghe.- HS lắng nghe.- HS quan sát.- HS tham gia.- HS lắng nghe.- HS trả lời.- HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………